

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0303173361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/02/2004, thay đổi lần 4 ngày 11/11/2010 về tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện pháp luật.

Trụ sở chính Công ty tại số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: NPS.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Sỹ Nam	Chủ tịch (Thôi giữ chức ngày 24 tháng 05 năm 2010)
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 05 năm 2010)
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Trọng	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Lan	Ủy viên (Bổ nhiệm 24 tháng 05 năm 2010)
Ông Nguyễn Long Dũng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Hoàng	Giám đốc (Thôi giữ chức ngày 01 tháng 08 năm 2010)
Ông Đỗ Hải	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2010)
Ông Nguyễn Xuân Trọng	Phó Giám đốc (Thôi giữ chức ngày 01 tháng 08 năm 2010)
Ông Trần Công Viên	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 07 năm 2010)
Bà Tổng Thị Thủy	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc (Thôi giữ chức ngày 01 tháng 12 năm 2010)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đỗ Hải
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Số. 206/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 4 đến trang 22 đính kèm.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

Lưu ý:

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số 5.6 của phần thuyết minh Báo cáo tài chính về việc thực hiện Dự án xây dựng chung cư cao tầng của Công ty.

Nguyễn Phú Hà
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0389/KTV
Thay mặt và đại diện

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1147/KTV**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**
Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.274.131.903	40.856.182.847
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.321.914.476	24.280.004.154
1. Tiền	111		4.321.914.476	24.280.004.154
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	4.999.804.307	4.999.804.307
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.105.900.000	5.105.900.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(106.095.693)	(106.095.693)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.619.750.913	5.674.575.624
1. Phải thu khách hàng	131		2.296.800.131	5.621.475.624
2. Trả trước cho người bán	132		322.950.782	28.100.000
5. Các khoản phải thu khác	135		-	25.000.000
IV- Hàng tồn kho	140		1.326.162.207	5.854.154.705
1. Hàng tồn kho	141	5.3	1.326.162.207	5.854.154.705
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		6.500.000	47.644.057
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	38.344.057
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	6.500.000	9.300.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.084.128.141	66.140.667.844
(200 = 210+220+240+250+260)				
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		62.160.128.141	60.216.667.844
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	5.821.993.067	5.618.163.436
- Nguyên giá	222		16.611.914.129	15.894.709.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.789.921.062)	(10.276.545.792)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	56.338.135.074	54.598.504.408
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.700.000.000	5.700.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	5.700.000.000	5.700.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		224.000.000	224.000.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.8	224.000.000	224.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		81.358.260.044	106.996.850.691

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		46.593.451.164	84.347.449.071
I- Nợ ngắn hạn	310		13.201.836.641	35.167.364.833
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	1.830.743.987	5.166.277.981
2. Phải trả người bán	312		960.101.682	2.364.849.572
3. Người mua trả tiền trước	313		523.360.230	9.700.257.443
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.540.039.553	858.692.198
5. Phải trả người lao động	315		4.149.159.974	5.457.708.825
6. Chi phí phải trả	316		614.511.880	139.528.926
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	3.506.290.053	11.463.193.857
10. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		77.629.282	16.856.031
II- Nợ dài hạn	330		33.391.614.523	49.180.084.238
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.12	25.746.762.082	25.746.762.082
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	6.000.000.000	21.800.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		44.852.441	33.322.156
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.14	1.600.000.000	1.600.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		34.764.808.880	22.649.401.620
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	34.764.808.880	22.649.401.620
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.700.000.000	10.593.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(140.015.430)	95.052.599
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.168.444.826	5.448.824.786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.088.710.010	882.949.010
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.918.369.474	4.600.275.225
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		81.358.260.044	106.996.850.691

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2010	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại			
<i>USD</i>		216.489,31	82.803,55
<i>EUR</i>		0,31	0,31

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	44.695.565.948	53.778.802.622
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	44.695.565.948	53.778.802.622
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	33.015.413.111	42.415.494.319
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		11.680.152.837	11.363.308.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	1.059.623.912	675.133.452
7. Chi phí tài chính	22	5.19	1.281.435.965	1.359.950.790
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>137.983.407</i>	<i>160.911.828</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.343.067.598	1.312.905.023
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	3.859.593.429	4.259.978.773
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		6.255.679.757	5.105.607.169
11. Thu nhập khác	31	5.21	759.375.030	453.658.251
12. Chi phí khác	32	5.22	633.978.732	4.798.022
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		125.396.298	448.860.229
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.381.076.055	5.554.467.398
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	1.701.707.575	719.620.040
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.679.368.480	4.834.847.358
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	2.468	4.564

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.381.076.055	5.554.467.398
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.373.550.547	1.267.584.927
- Các khoản dự phòng	03	11.530.285	106.095.693
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(560.478.534)	(341.227.688)
- Chi phí lãi vay	06	137.983.407	160.911.828
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.343.661.760	6.747.832.158
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.093.168.768	2.103.551.336
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.527.992.498	1.837.340.414
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(9.285.475.024)	25.434.256.089
- Tiền lãi vay đã trả	13	(137.983.407)	(160.911.828)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.273.033.788)	(420.690.695)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.739.546.060)	(786.890.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.528.784.747	34.754.486.570
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(1.985.276.000)	(5.645.745.211)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	493.316.545	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	302.617.031	266.013.844
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.189.342.424)	(5.379.731.367)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.830.743.987	9.737.787.128
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.966.277.981)	(16.618.147.345)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.294.289.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.429.822.994)	(6.880.360.217)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(20.090.380.671)	22.494.394.986
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.280.004.154	1.785.609.168
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	132.290.993	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.321.914.476	24.280.004.154

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0303173361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/02/2004, thay đổi lần thứ 4 ngày 11/11/2010 về tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện pháp luật.

Tên giao dịch của Công ty là PHUTHINH - NHABE GARMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: NPS

Trụ sở chính Công ty tại số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 là 21.700.000.000 đồng, các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 bao gồm:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú	Số cổ phần
1.	Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	36.016
2.	Bà Trần Thị Hoa	Số 248/34-36, Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	758
3.	Ông Vũ Sỹ Nam	Số 26A, Lạc Long Quân, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	708
4.	Bà Dương Thị Ngọc Dung	Số 47Bis, Đoàn Như Hải, phường 8, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	708
5.	Ông Phạm Phú Cường	Số 146/1, đường số 8, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	708
	194 Cổ đông khác		17.575

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0303173361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất, mua bán hàng may mặc. Mua bán nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng ngành dệt may, ngành công nghiệp, ngành điện tử, ngành công nghệ thông tin, hàng kim khí điện máy. Giặt tẩy (không tẩy, nhuộm hồ in trên sản phẩm tại trụ sở). Thêu, in trên bao bì (không in trắng bao bì kìm loại tại trụ sở). Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thủy nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế./.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Không có Chuẩn mực Kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh toán cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	07 - 15
Máy móc, thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên trong trường hợp nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng năm (5) năm tiếp theo.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực từ ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (tiếp)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	174.496.947	595.658.667
Tiền gửi ngân hàng	4.147.417.529	23.684.345.487
Tổng	4.321.914.476	24.280.004.154

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	5.105.900.000	5.105.900.000
<i>Công ty CP Dệt Việt Thắng</i>	<i>1.605.900.000</i>	<i>1.605.900.000</i>
<i>Công ty CP Dệt May Đông Á</i>	<i>3.500.000.000</i>	<i>3.500.000.000</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu	(106.095.693)	(106.095.693)
Tổng	4.999.804.307	4.999.804.307

Giá trị đã đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng (VICOTEX) tương ứng với số cổ phần sở hữu là 159.000 cổ phần tương ứng với tổng mệnh giá là 1.590.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng là Công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt may, có trụ sở chính tại số 127, Lê Văn Chí, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị đã đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt May Đông Á (DAGATEX) tương ứng với số cổ phần sở hữu là 200.000 cổ phần tương ứng với tổng mệnh giá là 2.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Dệt May Đông Á (DAGATEX) là Công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt may, có trụ sở chính tại số 185-189 Âu Cơ, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

5.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	183.586.756	4.291.618.835
Công cụ, dụng cụ	18.348.857	94.503.403
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	77.525.259	326.434.522
Thành phẩm	1.046.701.335	1.141.597.945
Tổng	1.326.162.207	5.854.154.705

5.4 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	6.500.000	9.300.000
Tổng	6.500.000	9.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2010	5.781.097.651	9.062.206.064	680.405.733	370.999.780	15.894.709.228
Tăng trong năm	-	1.985.276.000	-	-	1.985.276.000
Mua trong năm	-	1.985.276.000	-	-	1.985.276.000
Giảm trong năm	-	1.268.071.099	-	-	1.268.071.099
Thanh lý, nhượng bán	-	1.268.071.099	-	-	1.268.071.099
Số dư tại 31/12/2010	5.781.097.651	9.779.410.965	680.405.733	370.999.780	16.611.914.129
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2010	3.273.509.150	6.160.503.611	474.492.481	368.040.550	10.276.545.792
Tăng trong năm	382.800.666	921.277.878	66.512.773	2.959.230	1.373.550.547
Tăng do khấu hao	382.800.666	921.277.878	66.512.773	2.959.230	1.373.550.547
Giảm trong năm	-	860.175.277	-	-	860.175.277
Thanh lý, nhượng bán	-	860.175.277	-	-	860.175.277
Số dư tại 31/12/2010	3.656.309.816	6.221.606.212	541.005.254	370.999.780	10.789.921.062
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2010	2.507.588.501	2.901.702.453	205.913.252	2.959.230	5.618.163.436
Tại 31/12/2010	2.124.787.835	3.557.804.753	139.400.479	-	5.821.993.067

5.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày 1 tháng 1	54.598.504.408	49.845.661.897
Tăng	1.830.630.666	4.752.842.511
Kết chuyển khác	91.000.000	-
Tại ngày 31 tháng 12	56.338.135.074	54.598.504.408
	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Dự án xây dựng chung cư	55.773.077.057	53.942.446.391
Dự án xí nghiệp may Bảo Lộc - Lâm Đồng	565.058.017	656.058.017
Tổng	56.338.135.074	54.598.504.408

Dự án xây dựng chung cư đã được Ủy Ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại 13A Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 6 năm 2010 thì dự án này tiếp tục thực hiện, tuy nhiên phải điều chỉnh thiết kế dự án theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008.

5.7 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Bất động sản Nhà Bè tương ứng với số cổ phần sở hữu là 570.000 cổ phần. Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009465, đăng ký lần đầu ngày 26/2/2008 với vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/10/2008. Ngành nghề chủ yếu là kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.8 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận do khoản chênh lệch tạm thời giữa việc hạch toán chi phí dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc cho Cán bộ, Công nhân viên Công ty theo kế hoạch di dời Nhà xưởng đã được phê duyệt bởi Ban giám đốc trong năm 2008. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do chi phí dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc nói trên chưa được xem là khoản chi phí hợp lý, hợp lệ theo các quy định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành khi chưa thực sự chi trả cho người lao động.

5.9 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.830.743.987	5.166.277.981
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>	<i>1.830.743.987</i>	<i>5.166.277.981</i>
Tổng	1.830.743.987	5.166.277.981

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.367.687.692	719.620.040
Thuế thu nhập cá nhân	35.438.732	56.731.821
Thuế nhà thầu	82.340.337	82.340.337
Tổng	1.540.039.553	858.692.198

5.11 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	114.134.000	95.082.000
Bảo hiểm xã hội	15.416.663	4.148.944
Phải trả về phát hành cổ phiếu mới	-	11.107.000.000
Nhận trước tiền bán cổ phiếu (*)	3.000.000.000	-
Phải trả cổ tức từ năm 2004 đến 2009	309.711.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.028.390	256.962.913
Tổng	3.506.290.053	11.463.193.857

(*) Nhận ứng trước tiền bán cổ phiếu là: Công ty đang làm thủ tục bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt May Đông Á, Công ty đã nhận tiền ứng trước của khách hàng là 3 tỷ đồng, nhưng thủ tục giấy tờ, sổ cổ đông bàn giao chưa xong tại ngày 31/12/2010, nên Công ty đã ghi nhận như một khoản ứng trước từ tiền bán cổ phiếu.

5.12 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nợ dài hạn khác	25.746.762.082	25.746.762.082
Tổng	25.746.762.082	25.746.762.082

Theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè và Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nhà Bè, Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nhà Bè hỗ trợ không tính lãi suất cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè để tiến hành các thủ tục đầu tư, xây dựng Dự án Cao ốc thương mại và Căn hộ tại Khu đất số 13A, Tổng Văn Trân, phường 05, Quận 11.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.13 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngân hàng	6.000.000.000	21.800.000.000
<i>Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần</i>	-	5.800.000.000
<i>Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội - CN HCM</i>	6.000.000.000	16.000.000.000
Tổng	6.000.000.000	21.800.000.000

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 020-0000482/HĐTD/07 ngày 23/8/2007. Tổng giá trị vay theo Hợp đồng là 40.000.000.000 đồng, giá trị các khoản vay đã giải ngân trong năm 2007 là 16.000.000.000 đồng. Mục đích của khoản vay là thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình chung cư cao tầng Đầm Sen. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, nợ gốc được trả vào cuối kỳ hạn trả nợ. Lãi suất của khoản vay là 0,99%/tháng. Tài sản được dùng để bảo đảm cho khoản vay là bất động sản tại số 13A, Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2010 Công ty đã trả được 10.000.000.000 đồng.

5.14 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư khoản dự phòng phải trả thể hiện khoản trích lập dự phòng phải trả phát sinh liên quan đến kế hoạch di chuyển địa điểm sản xuất của Công ty sang khu vực khác. Công ty thực hiện trích lập số tiền dự tính phải trả cho các lao động bị mất việc làm theo quy định tại Luật lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2009	10.593.000.000	1.029.300.000	-	4.320.714.473	686.571.010	1.979.051.180	18.608.636.663
Tăng trong năm	-	-	260.023.335	1.128.110.313	196.378.000	4.834.847.358	6.419.359.006
Phân phối các quỹ 2008	-	-	-	-	196.378.000	-	196.378.000
Lãi	-	-	-	-	-	4.834.847.358	4.834.847.358
Đánh giá lại tỷ giá	-	-	260.023.335	-	-	-	260.023.335
Tăng khác	-	-	-	1.128.110.313	-	-	1.128.110.313
Giảm trong năm	-	-	164.970.736	-	-	2.213.623.313	2.378.594.049
Đánh giá lại tỷ giá	-	-	164.970.736	-	-	-	164.970.736
Phân phối các quỹ 2008	-	-	-	-	-	1.663.623.313	1.663.623.313
Phân phối các quỹ 2009	-	-	-	-	-	550.000.000	550.000.000
Số dư tại 31/12/2009	10.593.000.000	1.029.300.000	95.052.599	5.448.824.786	882.949.010	4.600.275.225	22.649.401.620
Số dư tại 01/01/2010	10.593.000.000	1.029.300.000	95.052.599	5.448.824.786	882.949.010	4.600.275.225	22.649.401.620
Tăng trong năm	11.107.000.000	-	-	719.620.040	205.761.000	4.679.368.480	16.711.749.520
Tăng vốn	11.107.000.000	-	-	-	-	-	11.107.000.000
Phân phối các quỹ 2009	-	-	-	-	205.761.000	-	205.761.000
Lãi	-	-	-	-	-	4.679.368.480	4.679.368.480
Tăng khác (*)	-	-	-	719.620.040	-	-	719.620.040
Giảm trong năm	-	-	235.068.029	-	-	4.361.274.231	4.596.342.260
Đánh giá lại tỷ giá	-	-	235.068.029	-	-	-	235.068.029
Phân phối các quỹ 2009	-	-	-	-	-	1.242.665.040	1.242.665.040
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2010	-	-	-	-	-	250.000.000	250.000.000
Tạm chia cổ tức 2009	-	-	-	-	-	2.604.000.000	2.604.000.000
Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	264.609.191	264.609.191
Số dư tại 31/12/2010	21.700.000.000	1.029.300.000	(140.015.430)	6.168.444.826	1.088.710.010	4.918.369.474	34.764.808.880

(*) Thuế TNDN (12,5%) được miễn năm 2009 ghi tăng quỹ đầu tư phát triển năm 2009.

(**) Tiền thuế GTGT và thuế TNDN truy thu từ năm 2004 đến năm 2008 theo quyết toán thuế năm 2010 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh.

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	7.203.200.000	3.601.600.000
Vốn góp của đối tượng khác	14.496.800.000	6.991.400.000
Tổng	21.700.000.000	10.593.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.593.000.000	10.593.000.000
Vốn góp tăng trong năm	11.107.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	21.700.000.000	10.593.000.000

Cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	1.110.700	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	2.170.000	1.059.300
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu là: 10.000 đồng/1 cổ phiếu.		

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.168.444.826	5.448.824.786
Quỹ dự phòng tài chính	1.088.710.010	882.949.010
Quỹ phúc lợi, khen thưởng	77.629.282	16.856.031
Tổng	7.334.784.118	6.348.629.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thành phẩm	1.134.658.886	509.455.109
Hàng hóa xuất khẩu	19.372.574.462	34.747.688.679
Gia công	23.468.260.459	17.921.749.701
Các loại khác	720.072.141	599.909.133
Tổng	44.695.565.948	53.778.802.622

5.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thành phẩm	433.337.355	231.162.875
Hàng hóa xuất khẩu	18.556.889.789	32.639.197.279
Gia công	13.339.659.147	9.323.692.339
Các loại khác	685.526.820	221.441.826
Tổng	33.015.413.111	42.415.494.319

5.18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	143.617.031	75.213.844
Cổ tức, lợi nhuận được chia	159.000.000	190.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	757.006.881	409.119.608
Tổng	1.059.623.912	675.133.452

5.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	137.983.407	160.911.828
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.143.452.558	1.092.943.269
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	106.095.693
Tổng	1.281.435.965	1.359.950.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.614.529.635	2.829.653.592
Chi phí vật liệu quản lý	88.131.979	136.922.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.472.003	101.632.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.910.861	340.990.529
Chi phí khác bằng tiền	774.548.951	850.779.098
Tổng	3.859.593.429	4.259.978.773

5.21 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu thanh lý nhượng bán tài sản	665.757.325	149.665.412
Thu nhập khác	93.617.705	303.992.839
Tổng	759.375.030	453.658.251

5.22 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	407.895.822	-
Chi phí khác	226.082.910	4.798.022
Tổng	633.978.732	4.798.022

5.23 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.381.076.055	5.554.467.398
Các khoản điều chỉnh tăng	584.754.244	393.292.920
Các khoản chi phí không được khấu trừ	584.754.244	393.292.920
Các khoản điều chỉnh giảm	159.000.000	190.800.000
Cổ tức được chia	159.000.000	190.800.000
Thu nhập chịu thuế	6.806.830.299	5.756.960.318
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN	1.701.707.575	1.439.240.080
Thuế TNDN được miễn giảm	-	719.620.040
Thuế TNDN không được miễn giảm	-	-
Tổng	1.701.707.575	719.620.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.679.368.480	4.834.847.358
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.679.368.480	4.834.847.358
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.896.129	1.059.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.468	4.564

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			Năm 2010	
Hội đồng Quản trị Ban Giám đốc		Lương thù lao		356.277.020
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010	Năm 2009
Mua hàng				
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	Công ty liên kết	Mua chi	126.318.042	182.835.037
		Chi phí xuất hàng	1.100.861.111	-
		Mua máy móc, thiết bị may	-	282.000.000
		Gia công ủi, thu hóa, đóng gói	-	7.045.508
		Thuê máy	95.504.200	73.064.000
Bán hàng				
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	Công ty liên kết	May gia công	14.173.062.848	15.979.613.470
		Bán máy móc, thiết bị máy	335.348.200	45.000.000

Số dư với các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			12/31/2010	01/01/2010
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	Công ty liên kết	Nợ vay dài hạn	-	5.800.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	Công ty liên kết	Công nợ phải trả	-	422.592.045
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	Công ty liên kết	Công nợ phải thu	1.013.456.654	9.680.257.524

6.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Đỗ Hải